

## PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TRAPHACO KHUYẾN NGHỊ VÀ GIẢI PHÁP

Nguyễn Thị Thanh Thủy

### Tóm tắt

Công ty cổ phần Traphaco là doanh nghiệp dẫn đầu trong ngành dược Việt Nam hiện nay. Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính của công ty là dược phẩm, hóa chất và vật tư, thiết bị y tế. Phân tích tình hình tài chính thông qua các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính đóng vai trò rất quan trọng trong việc cung cấp các thông tin kinh tế tài chính phục vụ cho việc điều hành, quản lý của chủ doanh nghiệp và hỗ trợ ra quyết định cho các đối tượng khác có liên quan. Bài báo này đi từ phân tích khái quát tình hình tài chính của Traphaco đến phân tích các chỉ tiêu cụ thể trong các báo cáo tài chính, từ đó đề xuất một số giải pháp tài chính nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh cho doanh nghiệp.

**Từ khóa:** Báo cáo tài chính, chỉ tiêu, lợi nhuận, tình hình tài chính, Traphaco

### FINANCIAL ANALYSIS AT TRAPHACO JOINT STOCK COMPANY - RECOMMENDATIONS AND SOLUTIONS

#### Abstract

Today, Traphaco Joint Stock Company is the leading enterprise in Vietnam's pharmaceutical industry. The company's main production and business fields are pharmaceuticals, chemicals, supplies and medical equipment. Financial analysis through the indicators on the financial statements plays an important role in providing financial information for the operation and management of enterprise owners and supporting the stakeholders's decision making process. This paper analyses the financial statements of Traphaco in general and the financial indicators in particular. Then, it suggests some solutions to improve the efficiency of the corporation.

**Keywords:** Financial statements, targets, profits, financial situation, Traphaco

**JEL classification:** G; G3

### 1. Đặt vấn đề

Phân tích tài chính là tổng thể các phương pháp được sử dụng để đánh giá tình hình tài chính quá khứ và hiện tại, giúp cho nhà quản lý đưa ra được quyết định quản lý chuẩn xác và đánh giá được các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, giúp cho những đối tượng quan tâm đưa ra những dự đoán chính xác về mặt tài chính của doanh nghiệp, từ đó có các quyết định phù hợp với lợi ích của mình [2].

Cũng như các doanh nghiệp cổ phần khác, Traphaco có rất nhiều đối tượng quan tâm đến tình hình tài chính của công ty như các nhà đầu tư, cho vay, người lao động, nhà cung cấp, khách hàng, đối thủ cạnh tranh, cơ quan thuế, kiểm toán,... Mỗi đối tượng lại quan tâm theo góc độ và với mục tiêu khác nhau. Việc phân tích báo cáo tài chính từ khái quát đến chi tiết có thể giúp cho các đối tượng sử dụng thông tin tài chính của doanh nghiệp đạt được mục tiêu đặt ra.

### 2. Phương pháp nghiên cứu

#### 2.1. Phương pháp thu thập và tổng hợp số liệu

Bài viết sử dụng số liệu thứ cấp thông qua các báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Traphaco giai đoạn 2016 – 2018. Trên cơ sở đó

tác giả tổng hợp các thông tin cần thiết phục vụ quá trình nghiên cứu.

#### 2.2. Phương pháp xử lý và phân tích số liệu

Từ các số liệu tài chính của Traphaco đã thu thập và tổng hợp được giai đoạn 2016 – 2018, tác giả áp dụng các phương pháp so sánh và phương pháp phân tích báo cáo tài chính thông qua các nhóm chỉ tiêu tài chính bao gồm: nhóm chỉ tiêu về khả năng thanh toán, nhóm chỉ tiêu về đòn bẩy tài chính, nhóm chỉ tiêu về khả năng hoạt động, nhóm chỉ tiêu về khả năng sinh lời để đánh giá chi tiết tình hình tài chính của doanh nghiệp.

### 3. Kết quả và thảo luận

#### 3.1. Khái quát tình hình tài chính của Traphaco trong giai đoạn 2016 - 2018

Công ty cổ phần Traphaco là một doanh nghiệp lớn sản xuất kinh doanh dược phẩm, hóa chất và vật tư, thiết bị y tế. Tình hình tài chính của công ty được phản ánh khá rõ nét qua các chỉ tiêu trong các báo cáo tài chính quan trọng (Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả kinh doanh).

**Bảng 1.** Trích Bảng cân đối kế toán của Traphaco giai đoạn 2016-2018 (Đvt: Triệu đồng)

| Chỉ tiêu                     | Năm 2016  |      | Năm 2017  |      | Năm 2018  |      | Năm 2017/<br>2016 | Năm 2018/<br>2017 |
|------------------------------|-----------|------|-----------|------|-----------|------|-------------------|-------------------|
|                              | Số tiền   | (%)  | Số tiền   | (%)  | Số tiền   | (%)  | (%)               | (%)               |
| <b>I. Tổng tài sản</b>       | 1.377.454 | 100  | 1.509.702 | 100  | 1.589.862 | 100  | 9,6               | 5,3               |
| <b>A. Tài sản ngắn hạn</b>   | 841.551   | 61,1 | 745.856   | 49,4 | 859.394   | 54,1 | (11,4)            | 15,2              |
| Tiền, tương đương tiền       | 204.507   | 14,8 | 160.904   | 10,7 | 316.134   | 19,9 | (21,3)            | 96,5              |
| Các khoản đầu tư TC ngắn hạn | 10.600    | 0,8  | 8.600     | 0,6  | 9.400     | 0,6  | (18,9)            | 9,3               |
| Các khoản phải thu ngắn hạn  | 291.661   | 21,2 | 200.063   | 13,3 | 153.573   | 9,7  | (31,4)            | (23,2)            |
| Hàng tồn kho                 | 305.364   | 22,2 | 332.831   | 22,0 | 337.523   | 21,2 | 9,0               | 1,4               |
| <b>B. Tài sản dài hạn</b>    | 535.902   | 38,9 | 763.846   | 50,6 | 730.468   | 45,9 | 42,5              | (4,4)             |
| Tài sản cố định              | 245.196   | 17,8 | 685.451   | 45,4 | 656.016   | 41,3 | 179,6             | (4,3)             |
| Tài sản dở dang dài hạn      | 264.028   | 19,2 | 25.249    | 1,7  | 13.862    | 0,9  | (90,4)            | (45,1)            |
| Đầu tư tài chính dài hạn     | 4.807     | 0,3  | 500       | 0,0  | 500       | 0,0  | (89,6)            | 0,0               |
| <b>II. Tổng nguồn vốn</b>    |           |      |           |      |           |      |                   |                   |
| <b>A. Nợ phải trả</b>        | 362.691   | 26,3 | 390.854   | 25,9 | 482.648   | 30,4 | 7,8               | 23,5              |
| 1. Nợ ngắn hạn               | 354.737   | 25,8 | 380.753   | 25,2 | 312.184   | 19,6 | 7,3               | (18,0)            |
| 2. Nợ dài hạn                | 7.954     | 0,6  | 10.101    | 0,7  | 170.463   | 10,7 | 27,0              | 1587,6            |
| <b>B. Vốn chủ sở hữu</b>     | 1.014.763 | 73,7 | 1.118.848 | 74,1 | 1.107.214 | 69,6 | 10,3              | (1,0)             |

Nguồn: Báo cáo tài chính của Traphaco giai đoạn 2016-2018 [1]

Đánh giá sơ bộ chúng ta có thể thấy tình hình tài chính của Traphaco trong giai đoạn 2016 - 2018 có nhiều biến động. Bảng 1 cho thấy:

Năm 2017 tình hình tài chính của Traphaco có nhiều biến động nhất. Tổng tài sản tăng 9,6% so với năm 2016; Trong đó, Tài sản ngắn hạn giảm 11,4%; Tiền và các khoản tương đương tiền giảm đáng kể 21,3%; Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn giảm 18,9%; Các khoản phải thu ngắn hạn giảm nhiều 31,4%; Hàng tồn kho tăng khá cao 9% do đặc thù của ngành dược; Tài sản dài hạn tăng 42,5%, trong đó Tài sản cố định tăng 179,6% do năm 2017 Traphaco đầu tư nhiều máy móc thiết bị hiện đại cho sản xuất và chế biến dược phẩm, tài sản dở dang dài hạn giảm 90,4% và Đầu tư tài chính dài hạn giảm 89,6%. Nguyên nhân là năm 2016 Traphaco sử dụng khá nhiều tiền vào các khoản đầu tư tài chính dài hạn và xây dựng cơ bản. Năm 2017 công ty không cần phải đầu tư nhiều vào các khoản này nữa. Về nguồn vốn, chúng ta có thể thấy hầu hết các chỉ tiêu đều tăng. Nợ phải trả tăng 7,8%, trong đó Nợ ngắn hạn tăng 7,3% còn Nợ dài hạn tăng đến 27%. Vốn chủ sở hữu tăng 10,3%.

Năm 2018 khá nhiều chỉ tiêu tăng so với năm 2017. Tổng tài sản tăng 5,3%. Tài sản ngắn hạn tăng 15,2%, trong đó tăng cao nhất là Tiền và các khoản tương đương tiền tăng đến 96,5%. Nếu như năm 2017 các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn giảm 18,9% so với năm 2016 thì năm 2018 chỉ tiêu này tăng 9,3% so với năm 2017. Các chỉ tiêu Phải thu ngắn hạn giảm 23,2 và Hàng tồn kho tăng nhẹ 1,4%; Chúng ta có thể thấy các khoản phải thu của Traphaco đều giảm trong giai đoạn này do Traphaco áp dụng nhiều chính sách thúc đẩy tiêu thụ và đẩy mạnh các biện pháp thu nợ. Tài sản dài hạn giảm 4,4% so với năm 2017, trong đó Tài sản cố định giảm 4,3%; các chỉ tiêu tài sản dài hạn khác như Tài sản dở dang dài hạn giảm đáng kể 45,1% và Đầu tư tài chính dài hạn không thay đổi. Về nguồn vốn, Nợ phải trả tăng 25,5% so với năm 2017, trong đó Nợ ngắn hạn giảm 18% trong khi Nợ dài hạn tăng rất mạnh 1587,6% do năm 2018 Traphaco tăng cường vay dài hạn để đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh. Riêng Vốn chủ sở hữu giảm nhẹ 1% so với năm 2017.

Xét về cơ cấu tài sản, ta có thể thấy Traphaco có tỷ trọng khá hợp lý. Nếu như năm 2016: Tài sản ngắn hạn chiếm 61,1% tổng tài sản còn Tài sản dài hạn chiếm tỷ trọng 38,9% tổng tài sản. Năm 2017 và 2018 Traphaco đã điều chỉnh để Tài sản ngắn hạn và dài hạn khá cân bằng. Xét về cơ cấu nguồn vốn, ta thấy: Trong giai đoạn này Nợ phải trả chiếm tỷ trọng nhỏ

dưới 31% tổng nguồn vốn và có xu hướng tăng dần nhưng vẫn khá thấp. Vốn chủ sở hữu luôn chiếm tỷ trọng rất lớn trên 69% tổng nguồn vốn của Traphaco và giảm nhẹ qua các năm. Hiện nay, Vốn chủ sở hữu chiếm tỷ trọng trên 69% là niềm mơ ước của rất nhiều doanh nghiệp thể hiện tính tự chủ và độc lập về tài chính của Traphaco.

**Bảng 2:** Trích Báo cáo kết quả kinh doanh của Traphaco giai đoạn 2016 - 2018 (Đơn vị: Triệu đồng)

| Chỉ tiêu                          | Năm 2016  | Năm 2017  | Năm 2018  | Năm 2017/2016 (%) | Năm 2018/2017 (%) |
|-----------------------------------|-----------|-----------|-----------|-------------------|-------------------|
| Doanh thu BH&CCDV                 | 2.005.540 | 1.880.139 | 1.808.372 | -6,25             | -3,82             |
| Các khoản giảm trừ doanh thu      | 7.206     | 9.697     | 10.022    | 34,57             | 3,35              |
| Doanh thu thuần                   | 1.998.334 | 1.870.442 | 1.798.350 | -6,40             | -3,85             |
| Giá vốn hàng bán                  | 1.003.653 | 829.784   | 863.659   | -17,32            | 4,08              |
| Lợi nhuận gộp                     | 994.681   | 1.040.658 | 934.691   | 4,62              | -10,18            |
| Doanh thu hoạt động tài chính     | 15.387    | 3.619     | 2.482     | -76,48            | -31,42            |
| Chi phí tài chính                 | 82.652    | 2.891     | 12.354    | -96,50            | 327,33            |
| Trong đó chi phí lãi vay          | 898       | 2.583     | 12.204    | 187,64            | 372,47            |
| Chi phí bán hàng                  | 464.181   | 503.536   | 485.529   | 8,48              | -3,58             |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp      | 182.076   | 214.061   | 222.452   | 17,57             | 3,92              |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD   | 281.231   | 323.663   | 216.838   | 15,09             | -33,01            |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 283.179   | 322.649   | 216.210   | 13,94             | -32,99            |
| Lợi nhuận sau thuế TNDN           | 228.226   | 260.417   | 174.773   | 14,10             | -32,89            |

Nguồn: Báo cáo tài chính của Traphaco giai đoạn 2016-2018 [1]

Dựa vào bảng 2, ta có thể phân tích các chỉ tiêu phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh của Traphaco trong giai đoạn 2016-2018 như sau:

Năm 2017 so với năm 2016, doanh thu bán hàng & CCDV giảm 6,25%, doanh thu thuần giảm 6,4%. Doanh thu hoạt động tài chính năm 2017 giảm 76,48% so với năm 2016 do đầu tư tài chính không hiệu quả. Còn các khoản giảm trừ doanh thu năm 2017 thì tăng đến 34,57% do doanh nghiệp sử dụng các giải pháp như giảm giá, chiết khấu thương mại. Năm 2018 chỉ tiêu này chỉ tăng 3,35% so với 2017. Chi phí bán hàng năm 2017 tăng 8,48% so với năm 2016 do các chính sách thúc đẩy tiêu thụ như các chương trình quảng cáo, xúc tiến bán hàng. Chi tiêu chi phí tài chính cũng giảm đáng kể (96,5%) vào năm 2017 nhưng năm 2018 chi phí tài chính tăng 327,33% so với năm 2017. Tuy nhiên chi phí lãi vay năm 2017 và 2018 lại tăng khá cao: Năm 2017 tăng 187,64% so với năm 2016; năm 2018 tăng 372,47% so với năm 2017. Chi phí lãi vay tăng cao do năm 2017 và 2018 doanh nghiệp tăng cường vay tiền ngân hàng để mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm và phát triển các khu vườn trồng cây nguyên liệu.

Năm 2017 hầu hết các chỉ số lợi nhuận đều tăng khá cao cho thấy sự nỗ lực rất lớn của Traphaco: lợi nhuận gộp tăng 4,62%, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh tăng 15,09%, lợi nhuận trước thuế tăng 13,94% và lợi nhuận sau thuế tăng 14,1% so với năm 2016. Nguyên nhân là do năm 2017 Traphaco phát triển thêm nhiều sản phẩm mới, đáp ứng tốt nhu cầu của khách hàng và áp dụng hiệu quả các chính sách thúc đẩy tiêu thụ như quảng cáo, xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường. Các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận giảm nhiều và giảm mạnh nhất vào năm 2018. Một phần là do trên thị trường có khá nhiều dược phẩm và thực phẩm chức năng của đối thủ cạnh tranh đa dạng về mẫu mã, thu hút người tiêu dùng bằng hình thức quảng cáo khá hấp dẫn, một phần do tâm lý khá nhiều người tiêu dùng có thiên hướng thích dùng hàng ngoại như các thực phẩm chức năng và thuốc chữa bệnh của các nước Nhật Bản, Mỹ, Hàn Quốc, Đức, Pháp,...

### 3.2. Phân tích chi tiết tình hình tài chính thông qua các nhóm chỉ tiêu tài chính

Để có thể nhìn nhận được một cách chi tiết và rõ nét nhất về tình hình tài chính của Traphaco, chúng ta cùng phân tích các nhóm chỉ

tiêu tài chính quan trọng: nhóm chỉ tiêu về khả năng thanh toán, nhóm chỉ tiêu về đòn bẩy tài chính, nhóm chỉ tiêu về khả năng hoạt động, nhóm chỉ tiêu về khả năng sinh lời.

Qua phân tích nhóm chỉ tiêu về khả năng thanh toán (bảng 3), chúng ta thấy được các hệ số khả năng thanh toán của Traphaco đều cao, tương đối ổn định và hầu hết lớn hơn 1. Cụ thể là khả năng thanh toán hiện hành của Traphaco năm 2016 bằng 3,8 hay 1 đồng nợ phải trả được đảm bảo bằng 3,8 đồng tài sản. Khả năng thanh toán hiện hành các năm 2017, 2018 lần lượt là 3,86 và 3,29 vẫn rất cao. Chi tiết chúng ta thấy khả năng thanh toán nợ ngắn hạn, nợ dài hạn và lãi vay đều cao cho thấy khả năng thanh toán của Traphaco rất tốt. Chỉ duy nhất có chỉ tiêu hệ số khả năng thanh toán nhanh năm 2017 của Traphaco là nhỏ hơn 0,5. Chỉ số khả năng thanh toán nhanh của các năm 2016, 2017 và 2018 lần lượt là 0,61; 0,45 và 1,04. Chỉ tiêu này có giá trị trong khoảng từ 0,5 đến 1 là tốt nhất. Trong giai đoạn này, khả năng thanh toán nợ dài hạn và khả năng thanh

toán lãi vay của Traphaco có nhiều biến động và có xu hướng giảm mạnh. Chỉ số khả năng thanh toán nợ dài hạn lần lượt là: 67,38 (năm 2016) lên 75,62 (năm 2017) và giảm xuống còn 4,29 (năm 2018) do năm 2018 nợ dài hạn tăng đột biến trong khi tài sản dài hạn giảm đáng kể so với năm 2017. Chỉ tiêu khả năng thanh toán lãi vay lần lượt là: 316,34 (năm 2016); 125,91 (năm 2017) và năm 2018 giảm còn 1,72. Chỉ tiêu này có biến động lớn như vậy là do năm 2018 Traphaco vay nợ nhiều trong khi chỉ tiêu tổng lợi nhuận kế toán trước thuế lại giảm mạnh (32,99% so với năm 2017) còn chi phí lãi vay tăng cao (372,47% so với năm 2017). Mặc dù các chỉ tiêu khả năng thanh toán nợ dài hạn và khả năng thanh toán lãi vay của Traphaco có nhiều biến động và giảm mạnh nhưng vẫn đảm bảo trong ngưỡng an toàn.

Như vậy, giai đoạn 2016-2018 Traphaco có khả năng thanh toán tương đối tốt với đa số các hệ số về khả năng thanh toán đều đảm bảo ở ngưỡng an toàn, chỉ có khả năng thanh toán nhanh năm 2017 là chưa đảm bảo.

**Bảng 3:** Các nhóm chỉ tiêu tài chính của Traphaco giai đoạn 2016 - 2018

| CHỈ TIÊU                                    | ĐVT  | Năm 2016  | Năm 2017  | Năm 2018  |
|---------------------------------------------|------|-----------|-----------|-----------|
| - Tổng tài sản bình quân                    | Tr.đ | 1.336.989 | 1.443.578 | 1.549.782 |
| - TSLĐ bình quân                            | Tr.đ | 903.704   | 793.704   | 802.625   |
| - TSCĐ bình quân                            | Tr.đ | 240.255   | 465.324   | 670.734   |
| - Vốn chủ sở hữu bình quân                  | Tr.đ | 990.810   | 1.066.806 | 1.113.031 |
| - Hàng tồn kho bình quân                    | Tr.đ | 308.926   | 319.098   | 335.177   |
| - Khoản phải thu bình quân                  | Tr.đ | 294.620   | 245.862   | 176.818   |
| <b>Nhóm chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b> |      |           |           |           |
| 1. Hệ số khả năng thanh toán hiện hành      |      | 3,80      | 3,86      | 3,29      |
| 2. Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn             |      | 2,37      | 1,96      | 2,75      |
| 3. Hệ số khả năng thanh toán nhanh          |      | 0,61      | 0,45      | 1,04      |
| 4. Hệ số thanh toán nợ dài hạn              |      | 67,38     | 75,62     | 4,29      |
| 5. Hệ số khả năng thanh toán lãi vay        |      | 316,34    | 125,91    | 18,72     |
| <b>Chỉ tiêu về đòn bẩy tài chính</b>        |      |           |           |           |
| 1. Hệ số nợ                                 |      | 0,26      | 0,26      | 0,30      |
| 2. Hệ số tự tài trợ                         |      | 0,74      | 0,74      | 0,70      |
| 3. Hệ số đầu tư vào TSLĐ                    |      | 0,61      | 0,49      | 0,54      |
| 4. Hệ số đầu tư vào TSCĐ                    |      | 0,39      | 0,51      | 0,46      |
| <b>Chỉ tiêu về khả năng hoạt động</b>       |      |           |           |           |
| 1. Vòng quay hàng tồn kho                   | Vòng | 6,47      | 5,86      | 5,37      |
| 2. Số ngày tồn kho                          | Ngày | 56        | 61        | 67        |
| 3. Vòng quay khoản phải thu                 | Vòng | 6,78      | 7,61      | 10,17     |
| 4. Kỳ thu tiền bình quân                    | Ngày | 53        | 47        | 35        |
| 5. Vòng quay TSLĐ                           | Vòng | 2,21      | 2,36      | 2,24      |
| 6. Vòng quay TSCĐ                           | Vòng | 8,32      | 4,02      | 2,68      |
| 7. Vòng quay tổng tài sản                   | Vòng | 1,49      | 1,30      | 1,16      |
| <b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>        |      |           |           |           |
| 1. Suất sinh lời của TS (ROA)               | %    | 17,07     | 18,04     | 11,28     |
| 2. Suất sinh lời của VCSH (ROE)             | %    | 23,03     | 24,41     | 15,70     |
| 3. Tỷ suất LN ròng trên DTT (ROS)           | %    | 11,42     | 13,92     | 9,72      |

*Nguồn: Báo cáo tài chính của Traphaco giai đoạn 2016-2018 [1] và tính toán của tác giả*

Phân tích nhóm chỉ tiêu về đòn bẩy tài chính (bảng 3) cho thấy: Hệ số nợ của Traphaco năm 2016 là 0,26 có ý nghĩa là 1 đồng giá trị tài sản được tài trợ bằng 0,26 đồng nợ. Hệ số này lần lượt là 0,26 và 0,3 vào các năm 2017, 2018. Chỉ tiêu này cho ta thấy: giai đoạn 2016-2018, Nợ phải trả luôn chiếm tỷ trọng dưới 30% tổng nguồn vốn. Hệ số tự tài trợ của Traphaco năm 2016 là 0,74 có ý nghĩa là 1 đồng giá trị tài sản được tài trợ bằng 0,74 đồng vốn chủ sở hữu hay trong 1 đồng nguồn vốn của Traphaco có 0,74 đồng là vốn chủ sở hữu còn 0,26 đồng là nợ phải trả; trong khi các năm 2017, 2018 hệ số này lần lượt có giá trị là 0,74; 0,7. Hệ số này rất hợp lý và an toàn, vốn chủ sở hữu chiếm trên 70% tổng nguồn vốn. Hệ số này thể hiện khả năng tự chủ, mức độ độc lập về mặt tài chính của Traphaco. Như vậy, với cấu trúc vốn của Traphaco trong giai đoạn này là Nợ phải trả dưới 30% và Vốn chủ sở hữu trên 70%, Traphaco đã thể hiện được mức độ sử dụng đòn bẩy tài chính rất tốt, đem lại hiệu quả kinh doanh tương đối cao.

Hệ số đầu tư vào tài sản lưu động trên 49% còn hệ số đầu tư vào tài sản cố định trên 39%. Như vậy, giai đoạn 2016 - 2018 Traphaco đầu tư nhiều hơn tài sản lưu động. Traphaco có sự đầu tư ít hơn vào tài sản cố định vì khả năng thanh khoản của những tài sản này thấp, vốn đầu tư nhiều còn tài sản lưu động có khả năng thanh khoản cao hơn, vốn đầu tư ít hơn. Hơn nữa, trong nền kinh tế thị trường không nên đầu tư quá nhiều vào tài sản cố định mà có thể đi thuê để giảm bớt chi phí.

Phân tích nhóm chỉ tiêu về khả năng hoạt động (bảng 3) cho thấy: Vòng quay hàng tồn kho trong giai đoạn 2016-2018 khá cao. Các năm 2016, 2017, 2018 có vòng quay hàng tồn kho lần lượt là 6,47; 5,86; 5,37 vòng/năm; Chính vì vậy mà số ngày tồn kho của cũng khá thấp dưới 70 ngày. Vòng quay các khoản phải thu trong giai đoạn này giao động trong khoảng từ 6,78 đến 10,17 vòng/năm là khá cao và có xu hướng tăng dần làm cho kỳ thu tiền bình quân khá ngắn và có xu hướng giảm dần từ 53 ngày xuống 35 ngày. Nguyên nhân là do đặc thù của doanh nghiệp là sản xuất kinh doanh được phẩm nên thường không dự trữ nhiều hàng tồn kho (hạn sử dụng ngắn) và thu hồi nợ nhanh (thanh toán ngay là chủ yếu).

Vòng quay tài sản cố định lớn hơn 2,5 cho thấy hiệu quả sử dụng tài sản cố định rất tốt, tạo được nhiều doanh thu. Các vòng quay tổng tài sản đều lớn hơn 1 và vòng quay tài sản lưu động đều lớn hơn 2 cũng rất tốt. Các vòng quay tài sản của Traphaco đều cao cho thấy hiệu suất sử dụng

tài sản của doanh nghiệp tốt. Tuy nhiên, trong giai đoạn này các vòng quay tài sản đều có xu hướng giảm do doanh thu giảm.

Phân tích nhóm chỉ tiêu về khả năng khả năng sinh lời (bảng 3) cho thấy: Suất sinh lời của tài sản (ROA) đạt giá trị trên 11% có nghĩa là 100 đồng tài sản tạo ra trên 11 đồng lợi nhuận ròng. Chỉ số này càng cao chứng tỏ hiệu quả sử dụng tài sản tốt. Suất sinh lời của vốn chủ sở hữu (ROE) trong giai đoạn này đạt trên 15% là rất cao thể hiện hiệu quả sử dụng vốn chủ sở hữu tốt, điều này có nghĩa là 100 đồng vốn chủ sở hữu tạo ra trên 15 đồng lợi nhuận ròng. Suất sinh lời trên doanh thu thuần (ROS) giai đoạn này đều đạt giá trị trên 9,7% cho thấy trong 100 đồng doanh thu thuần thu được thì có trên 9,7 đồng lợi nhuận ròng. Chỉ tiêu này tương đối cao chứng tỏ hiệu quả sử dụng chi phí của doanh nghiệp khá tốt. Tuy vậy, chúng ta vẫn có nhận thấy năm 2018 các tỷ suất sinh lời giảm do lợi nhuận giảm.

Như vậy, trong giai đoạn 2016 - 2018 tất cả các chỉ tiêu sinh lời của Traphaco đều cao cho thấy hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty khá tốt, thu được nhiều lợi nhuận, hiệu quả sử dụng tài sản, vốn chủ sở hữu và chi phí đều khá tốt. Nhưng nếu xét riêng năm 2018, các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận của Traphaco đều giảm. Điều này chứng tỏ năm 2018, hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty không tốt như các năm 2016, 2017. Trong thời gian tới, doanh nghiệp cần có giải pháp nhằm nâng cao doanh thu và lợi nhuận.

#### **4. Kết luận và các khuyến nghị**

Dựa vào kết quả phân tích tài chính ở trên, chúng ta có thể thấy rằng tình hình tài chính của Traphaco là khá tốt. Tuy nhiên, muốn nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh trong tương lai, Traphaco cần áp dụng một số giải pháp như:

*Một là, Huy động thêm nguồn vốn chủ sở hữu bằng cách phát hành cổ phiếu:* Với lợi thế là một doanh nghiệp cổ phần lớn và có uy tín trên thị trường Việt Nam, Traphaco không khó khăn trong việc huy động thêm vốn cổ phần thông qua phát hành cổ phiếu. Việc huy động vốn cổ phần làm gia tăng nguồn vốn chủ sở hữu. Khi nguồn vốn chủ sở hữu đủ lớn góp phần nâng cao mức độ độc lập và tự chủ về tài chính của Tổng công ty. Điều đó cũng giúp Tổng công ty giảm bớt gánh nặng vay vốn ngân hàng và hạn chế rủi ro tài chính. Qua phân tích cho thấy Suất sinh lời vốn chủ sở hữu (ROE) của Traphaco rất cao chứng tỏ hiệu quả sử dụng vốn chủ sở hữu là rất tốt, chỉ số này cao rất hấp dẫn các nhà đầu tư. Vì vậy, việc huy động thêm nguồn vốn chủ sở hữu

bằng cách phát hành cổ phiếu là một lựa chọn đúng đắn và khả thi đối với Traphaco. Vốn chủ sở hữu càng lớn hứa hẹn mang lại càng nhiều lợi nhuận cho doanh nghiệp.

*Hai là, Mở rộng thị trường tiêu thụ:* Là một doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh dược phẩm và thiết bị y tế tại Việt Nam, Traphaco nên phát huy hơn nữa thế mạnh của mình để mở rộng thị trường sang nhiều nước trên thế giới và các tỉnh thành trong cả nước. Việc mở rộng mạng lưới hoạt động khẳng định được đẳng cấp, uy tín và sức mạnh của công ty.

*Ba là, Phát triển thêm các sản phẩm mới:* Hiện nay, đời sống của người dân ngày một nâng cao nên nhu cầu sử dụng các sản phẩm bảo vệ sức khỏe có xu hướng tăng cao. Các sản phẩm được người dân quan tâm nhiều hiện nay là các loại thuốc chữa bệnh và các thực phẩm chức năng có chất lượng tốt. Traphaco có nguồn nguyên liệu sẵn có và có thể tận dụng nguồn nguyên liệu rất đa dạng và phong phú tại thị trường nội địa Việt Nam. Như vậy, công ty có thể tiết kiệm chi phí và nâng cao lợi nhuận. Từ đó phát triển quy mô sản xuất kinh doanh, nâng cao uy tín và vị thế cạnh tranh của công ty trên thị trường.

*Bốn là, Tăng quy mô sản xuất và giảm một số loại chi phí:* Năm 2018 doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp đều giảm so với năm 2016, 2017. Để tăng được doanh thu, doanh nghiệp cần tăng sản lượng tiêu thụ vì tăng giá bán là rất khó trong thị trường cạnh tranh khốc

liệt. Trong thời gian tới, doanh nghiệp nên tăng quy mô sản xuất để đưa nhiều sản phẩm hơn nữa ra thị trường tiêu thụ kết hợp với các chiến dịch quảng bá sản phẩm trên các phương tiện truyền thông nhằm thúc đẩy tiêu thụ. Ngoài ra, cần có các giải pháp giảm một số loại chi phí sản xuất kinh doanh để nâng cao lợi nhuận như: Tinh giản bộ máy quản lý và hành chính nhằm giảm chi phí quản lý doanh nghiệp; sử dụng tối đa công suất máy móc và dây chuyền sản xuất nhằm nâng cao năng suất lao động giúp doanh nghiệp vừa tiết kiệm chi phí nhân công vừa tăng khối lượng sản phẩm; dùng vốn cổ phần huy động được thay cho vốn vay dài hạn để giảm bớt chi phí lãi vay.

Phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp là giải pháp hàng đầu giúp cho nhà quản lý và các đối tượng khác có được những thông tin chính xác nhất về tình hình tài chính của doanh nghiệp. Thông qua việc phân tích báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Traphaco từ khái quát đến chi tiết cho chúng ta thấy: Công ty có tình hình tài chính tương đối tốt với đa số các chỉ tiêu tài chính đều đảm bảo. Tuy nhiên, Traphaco muốn có kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cao hơn nữa trong thời gian tới, công ty cần áp dụng thêm một số giải pháp hiệu quả như: Huy động thêm vốn chủ sở hữu bằng cách phát hành cổ phiếu; Mở rộng thị trường tiêu thụ; Phát triển thêm các sản phẩm mới; Tăng quy mô sản xuất và giảm một số loại chi phí.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- [1]. Báo cáo tài chính của Traphaco các năm 2016, 2017, 2018. Truy cập ngày 15/11/2019. <http://www.traphaco.com.vn>
- [2]. Ngô Thế Chi, Nguyễn Trọng Cơ. (2008). *Giáo trình Phân tích tài chính doanh nghiệp*. Hà Nội: Nhà xuất bản Tài chính.
- [3]. Nguyễn Trọng Cơ, Nghiêm Thị Hà. (2009). *Phân tích tài chính doanh nghiệp*. Hà Nội: Nhà xuất bản Tài chính.
- [4]. Nguyễn Năng Phúc. (2011). *Giáo trình Phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp*. Hà Nội: Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân.

---

#### **Thông tin tác giả:**

**Nguyễn Thị Thanh Thủy**

- Đơn vị công tác: Khoa HTTT Kinh tế - Trường ĐH Công nghệ  
Thông tin và Truyền thông Thái Nguyên  
- Địa chỉ email: [thanhthuyktcntt@gmail.com](mailto:thanhthuyktcntt@gmail.com)

Ngày nhận bài: 12/12/2019

Ngày nhận bản sửa: 29/12/2019

Ngày duyệt đăng: 31/12/2019